Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 8408.10

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 8408.10 |
| **Mô tả hàng hóa** | Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 12/11/2026 05:52:52 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/840810/ |

## 4 dòng thuế thuộc 8408.10

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 8408.10.10 | Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: / - - Công suất không quá 22,38 kW | chiếc | 30% | 20% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8408.10.20 | Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: / - - Công suất trên 22,38 kW nhưng không quá 100 kW | chiếc | 4,5% | 3% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8408.10.30 | Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: / - - Công suất trên 100 kW nhưng không quá 750 kW | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8408.10.90 | Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ máy thủy: / - - Loại khác | chiếc | 5% | 0% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.